

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2020/DS-ST**
Ngày: 28-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Cẩm T (tên gọi khác: L), sinh năm 1985; vắng mặt.

Cư trú tại: Tổ 4, ấp N, xã B, huyện B, tỉnh N.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; vắng mặt.

Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1959; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ 11, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Phan Thị Cẩm T trình bày:

Do ở địa phương ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T thường vay tiền của người khác với lãi suất thấp rồi cho vay lại lấy tiền lãi chênh lệch, đồng thời có làm chủ hội nhiều năm, có uy tín tại địa phương nên khi vợ ông L, bà T vay tiền thì chị đồng ý cho vay, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 30/5/2019 dương lịch (nhằm ngày 26/4/2019 âm lịch) chị cho bà T, ông L vay 200.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng và khi nào cần tiền thì báo trước cho bà T, ông L khoảng 01 tháng. Trong thời gian vay tiền, ông L và bà T đã trả cho chị được 07 tháng tiền lãi từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2019 với số tiền là 42.000.000 đồng, tiền gốc chưa trả;

Lần thứ hai: Ngày 14/01/2020 bà T, ông L tiếp tục của chị số tiền 80.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng và khi nào cần tiền thì báo trước cho ông L, bà T một thời gian. Khoản vay này bà T, ông L chưa trả tiền lãi và tiền gốc.

Tổng cộng số tiền ông L, bà T đã vay của chị là 280.000.000 đồng, mục đích vay tiền để làm ăn. Khi vay tiền, ông L, bà T đều viết và ký giấy nhận nợ với chị. Đến thời hạn trả nợ chị có yêu cầu ông L, bà T trả tiền nhưng ông L, bà T xin gia hạn và có trả tiền lãi đầy đủ nên chị tin tưởng và tiếp tục cho vay tiền các lần tiếp theo. Nguồn tiền chị cho ông L, bà T vay do chị tích lũy mà có và vay Ngân hàng.

Ngày 07/9/2020 chị có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 80.000.000 đồng và yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Văn L có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 30/5/2019. Đối với số tiền lãi đã nhận 42.000.000 đồng, chị đồng ý khấu trừ vào tiền nợ gốc 200.000.000 đồng nếu có vượt quá quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn - ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T nhưng ông L, bà T cố tình vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T: Có đơn đề nghị vắng mặt.

Bị đơn ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua công tác kiểm sát xét thấy từ khi thụ lý vụ án, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, chuyển hồ sơ vụ án, quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai, hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các Hội thẩm nhân dân và người tham gia tố tụng (nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T) đã thực hiện đúng các quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định tại các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Cẩm T số tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Cẩm T về việc yêu cầu ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T trả số tiền gốc 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị Cẩm T là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt; ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, ông L, bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Cẩm T yêu cầu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T hoàn trả số tiền nợ vay gốc 200.000.000 đồng, thấy rằng: Chị Phan Thị Cẩm T cung cấp bản gốc “*Giấy mượn tiền*” ngày 26/4/2019 âm lịch (nhằm ngày 30/5/2019 dương lịch) có chữ ký người mượn là ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T với số tiền 200.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L và bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng vắng mặt, không có ý kiến phản đối về các chứng cứ do chị T cung cấp. Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện sau khi vay tiền của chị T, khoảng tháng 02/2020 ông L, bà T đã bỏ địa phương đi, không xác định được địa chỉ nơi cư trú hiện nay, việc ông L, bà T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ mà không thông báo cho chị T biết về nơi cư trú mới, thể hiện việc ông L, bà T cố tình giấu địa chỉ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ...thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Căn cứ giấy mượn tiền do chị T cung cấp nêu trên thể hiện nội dung “...Tôi tên Nguyễn Thị T cùng chồng Đỗ Văn L cư ngụ: Tổ 13, ấp T, B, TB, TN có mượn tiền của cháu L một số tiền là 200.000.000 đồng, bằng chữ hai trăm triệu đồng”, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T với chị Phan Thị Cẩm T là có thật và có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc ông L và bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị T số tiền vay gốc 200.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Chị T cho rằng khi ký giấy mượn tiền ngày 30/5/2019 giữa chị và ông L, bà T có thỏa thuận miêng lãi suất 03%/tháng (tức 36%/năm) và khi nào chị cần tiền thì báo trước cho ông L, bà T khoảng 01 tháng, nhưng chị không có chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận trong thời gian vay tiền, ông L và bà T có trả tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng được 42.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa chị T và ông L, bà T là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, do bị đơn vắng mặt không có ý kiến về lãi suất nên đây là trường hợp có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Chị T yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 30/5/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án và đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận nếu có vượt quá quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Ngày 30/5/2019 dương lịch (nhằm ngày 26/4/2019 âm lịch) đến ngày 28/9/2020, số tiền gốc 200.000.000 đồng là: 15 tháng 28 ngày x 0,83%/tháng x 200.000.000 đồng = 26.449.333 đồng (làm tròn 26.449.000 đồng).

Như vậy, ông L, bà T phải hoàn trả cho chị T số tiền nợ vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật 26.449.000 đồng, tổng cộng 226.449.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi chị T đã nhận của ông L, bà T là 42.000.000 đồng, còn lại 184.449.000 đồng.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T, buộc bị đơn ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Cẩm T số tiền tổng cộng là 184.449.000 đồng.

[3] Ngày 07/9/2020, chị Phan Thị Cẩm T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ gốc vay ngày 20/12/2019 là 80.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị T.

[4] Về án phí: Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 184.449.000 đồng x 5% = 9.222.450 đồng (làm tròn 9.223.000 đồng) theo

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Cẩm T đối với ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Cẩm T số tiền 184.449.000 (một trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (0,83%/tháng).

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Cẩm T yêu cầu ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay gốc 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.223.000 (chín triệu hai trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

Chị Phan Thị Cẩm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Phan Thị Cẩm T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.000.000 (bảy triệu) đồng theo biên lai thu số 0004007 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Cẩm T, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***(Đã ký)***Nguyễn Thị Thanh Thúy**